

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2009/QĐ-UBND

Long Biên, ngày 29 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy trình tiếp dân; tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại
tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc Ủy ban nhân dân quận Long Biên.**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 12/12/1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003 và các Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo 12/12/1998; Các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004 và ngày 29/11/2005;

Căn cứ quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND&UBND, Chánh Thanh tra quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy trình tiếp dân; tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc Ủy ban nhân dân quận Long Biên.

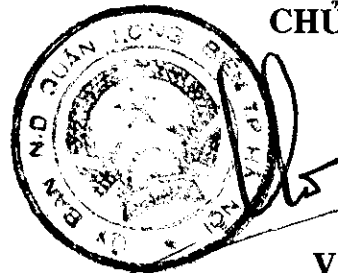
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 23/8/2007 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND quận, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành của quận; Chủ tịch UBND các phường thuộc quận; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thanh tra thành phố Hà Nội;
- T² Quận ủy, HĐND quận;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND quận;
- N như điều 3;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Đức Bảo

QUY TRÌNH

**Tiếp dân; tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại
tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc Ủy ban nhân dân quận Long Biên.**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2009/QĐ-UBND
ngày 16 /2009 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh:

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ tục tiếp dân; tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) quận Long Biên; trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc quận, cán bộ công chức thuộc UBND quận trong việc tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư.

2. Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc UBND quận Long Biên ngoài việc thực hiện quy định này còn phải tuân thủ theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo; các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật phòng chống tham nhũng; Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng; Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thành phố Hà Nội và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư:

1. Tổ chức tiếp công dân đến trình bày nội dung cần khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Phân loại, xử lý đơn

3. Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận theo đúng quy định của pháp luật

4. Tổ chức thực hiện những quyết định, văn bản đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền UBND quận Long Biên.

Chương II

TỔ CHỨC TIẾP CÔNG DÂN, PHÂN LOẠI VÀ XỬ LÝ ĐƠN

Điều 3. Việc tiếp dân của UBND quận:

Trụ sở tiếp công dân của UBND quận tại số 66 ngõ 139 phố Hoa Lâm-phường Việt Hưng, quận Long Biên.

Tổ tiếp dân và xử lý đơn thư của quận (sau đây gọi tắt là Tổ tiếp dân) từ 05 đến 07 đồng chí, do đồng chí Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND quận làm tổ trưởng, đồng chí Phó Chánh thanh tra quận làm tổ phó, có cán bộ chuyên trách và một số cán bộ ở các phòng, ban chuyên môn: Tài nguyên và môi trường, Thanh tra xây dựng, Quản lý đô thị.

Nhiệm vụ của Tổ tiếp dân: Tiếp công dân; tiếp nhận; phân loại và xử lý đơn; tham mưu UBND quận chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn; UBND các phường giải quyết đơn thuộc thẩm quyền; đôn đốc việc giải quyết đơn của các phòng, ban chuyên môn, UBND các phường và tổng hợp kết quả tiếp công dân, kết quả xử lý đơn và giải quyết đơn.

Công an quận có nhiệm vụ bảo vệ an toàn trụ sở tiếp dân theo lịch tiếp dân của UBND quận. Trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để xử lý những người lợi dụng khiếu nại, tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 4. Lịch tiếp công dân:

1. Tổ tiếp dân UBND quận định kỳ tiếp công dân vào ngày thứ ba hàng tuần để trực tiếp tiếp công dân, tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền.

2. Lãnh đạo UBND quận tiếp mỗi tháng ít nhất 02 ngày.

3. Cán bộ chuyên trách Tổ tiếp dân: có trách nhiệm tiếp dân, tiếp nhận đơn của công dân thuộc thẩm quyền vào các ngày làm việc khác trong tuần tại trụ sở làm việc của Thanh tra quận.

Điều 5. Trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân, quyền và nghĩa vụ của công dân khi đến trụ sở tiếp dân:

Thực hiện theo nội quy tiếp công dân đã được niêm yết công khai tại trụ sở tiếp dân của UBND quận.

Điều 6. Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và tổng hợp, theo dõi kết quả giải quyết:

1. Nhận đơn thư:

Tổ tiếp dân tiếp nhận toàn bộ đơn từ các nguồn gửi đến (các phòng, ban chuyên môn không trực tiếp nhận đơn mà hướng dẫn công dân gửi qua Văn phòng HĐND&UBND hoặc Tổ tiếp dân; trường hợp công dân gửi đơn qua đường công văn thì chuyển đến Tổ tiếp dân để phân loại, xử lý).

2. Phân loại và xử lý đơn:

Tổ tiếp dân có trách nhiệm tham mưu UBND quận:

2.1. Phân loại, xử lý đơn:

Đối với đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết: Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ tiếp dân ký văn bản trả lời công dân hoặc hướng dẫn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Đối với đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận: tham mưu văn bản (phiếu chuyển), trình lãnh đạo UBND quận ký duyệt chỉ đạo, chuyển các phòng, ngành chức năng giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND quận: chuyển đến phòng, ngành, cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2.2. Đối với các văn bản chỉ đạo của các cơ quan cấp trên chuyển về :

Đối với văn bản chỉ đạo của UBND thành phố hàng tháng sau buổi tiếp công dân định kỳ của Thành phố: giao Thanh tra quận tham mưu lãnh đạo UBND quận tiếp công dân, chỉ đạo giải quyết, tổng hợp và báo cáo kết quả với UBND Thành phố.

Các trường hợp đang trong quá trình giải quyết hoặc đã có kết quả giải quyết của quận, Thanh tra quận tham mưu văn bản báo cáo.

Các trường hợp chưa xem xét giải quyết, tham mưu UBND quận chỉ đạo các phòng, ngành cơ quan chức năng xem xét giải quyết. Trong từng trường hợp cụ thể, có thể các phòng, ngành được giao trực tiếp tham mưu văn bản báo cáo cấp trên hoặc tổng hợp báo cáo kết quả với UBND quận (qua Thanh tra quận) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2.3. Văn bản đã có hiệu lực pháp luật: chuyển đến các phòng, ngành chức năng, UBND phường tổ chức thực hiện.

3. Tổng hợp, theo dõi kết quả giải quyết đơn thư:

3.1. Tổ tiếp dân của quận:

Mở hệ thống sổ sách theo dõi, tổng hợp toàn bộ nguồn đơn đầu vào, đơn sau khi xử lý và theo dõi công tác tiếp dân.

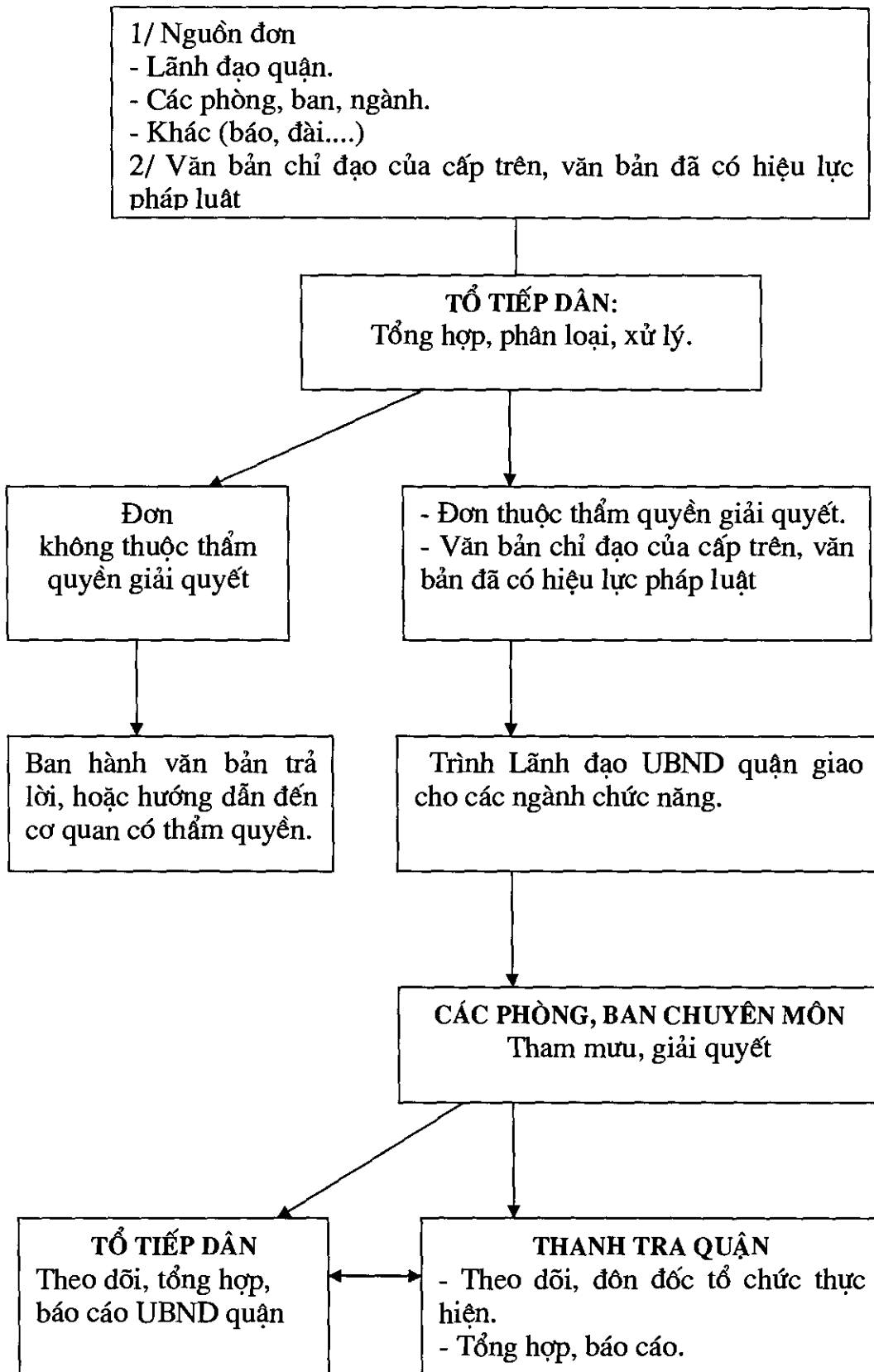
Theo dõi, tổng hợp kết quả tiếp công dân và xử lý đơn.

3.2. Thanh tra quận:

Theo dõi công tác tiếp dân, xử lý đơn và giải quyết đơn thư trên địa bàn quận.

Đôn đốc các phòng, ban đơn vị có liên quan và UBND các phường về công tác giải quyết đơn thư trên địa bàn quận. Tổng hợp kết quả chung trên địa bàn quận.

SƠ ĐỒ TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN



Chương III

QUY TRÌNH THỤ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI

Điều 7. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại:

1. Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại. Người khiếu nại phải nêu rõ nội dung khiếu nại, cung cấp chứng cứ có liên quan, đủ các điều kiện đã được quy định tại điều 2 Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính Phủ.

2. Người khiếu nại có thể trực tiếp khiếu nại hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại; khi thực hiện việc khiếu nại, người đại diện phải xuất trình giấy tờ chứng minh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc đại diện hợp pháp của mình.

Điều 8. Xử lý đơn khiếu nại:

Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận:

1. Đối với đơn đủ điều kiện thụ lý giải quyết được quy định tại điều 2 Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính Phủ: Tổ tiếp dân của quận tham mưu văn bản UBND quận giao Thanh tra quận thụ lý giải quyết.

2. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các phường nhưng quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết: Tổ tiếp dân của quận tham mưu văn bản UBND quận yêu cầu UBND phường giải quyết. Thanh tra quận có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết của cấp phường và áp dụng biện pháp theo thẩm quyền để xử lý đối với người thiếu trách nhiệm hoặc cố ý trì hoãn việc giải quyết khiếu nại đó.

Điều 9. Thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận:

1. Chủ tịch UBND quận có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền được quy định tại điều 19 Luật Khiếu nại, tố cáo.

Khi nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, Chủ tịch UBND quận giao Chánh thanh tra quận xem xét, kết luận và tham mưu quyết định giải quyết.

2. Căn cứ quy định của pháp luật, kết quả gặp gỡ, đối thoại, kết quả thẩm tra, xác minh, kết luận; Chủ tịch UBND quận ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trong thời hạn quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận được gửi tới người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan để thực hiện; gửi UBND Thành phố, Chánh thanh tra Thành phố để tổng hợp, theo dõi.

4. Chủ tịch UBND quận có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của mình đã có hiệu lực pháp luật; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Chủ tịch UBND các phường trong việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo đúng quy định.

5. Đối với khiếu nại mà Chủ tịch UBND phường đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại thì Chủ tịch UBND quận giao Chánh thanh tra quận tiến hành xem xét, kết luận và tham mưu quyết định giải quyết (riêng khiếu nại về lĩnh vực xây dựng thực hiện theo điều 117,118-Luật Xây dựng)

Điều 10. Thời hiệu khiếu nại, thời hạn khiếu nại và khởi kiện vụ án hành chính hoặc khiếu nại cơ quan hành chính cấp trên

1. Thời hiệu khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính là 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết có hành vi hành chính.

Trong trường hợp người khiếu nại không thực hiện được việc khiếu nại theo đúng thời hạn vì ốm đau, thiên tai, đi công tác, đi học tập ở xa hoặc vì những trở ngại khách quan, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại. Người khiếu nại phải xuất trình giấy tờ xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn, cơ sở y tế hoặc cơ quan, tổ chức nơi người khiếu nại làm việc về trở ngại khách quan với cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

2. Thời hạn ra quyết định thụ lý và quyết định giải quyết khiếu nại

a) Đối với giải quyết khiếu nại lần đầu: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết, Chánh thanh tra quận ra quyết định thụ lý để giải quyết.

Thời hạn giải quyết lần đầu không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thụ lý; Đối với vụ việc phức tạp kéo dài không quá 45 ngày làm việc.

Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 38 Luật Khiếu nại, tố cáo.

b) Đối với giải quyết khiếu nại lần hai: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết, Chánh thanh tra quận ra quyết định thụ lý để giải quyết.

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thụ lý. Đối với vụ việc phức tạp kéo dài không quá 60 ngày làm việc.

Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo Điều 45 Luật Khiếu nại, tố cáo.

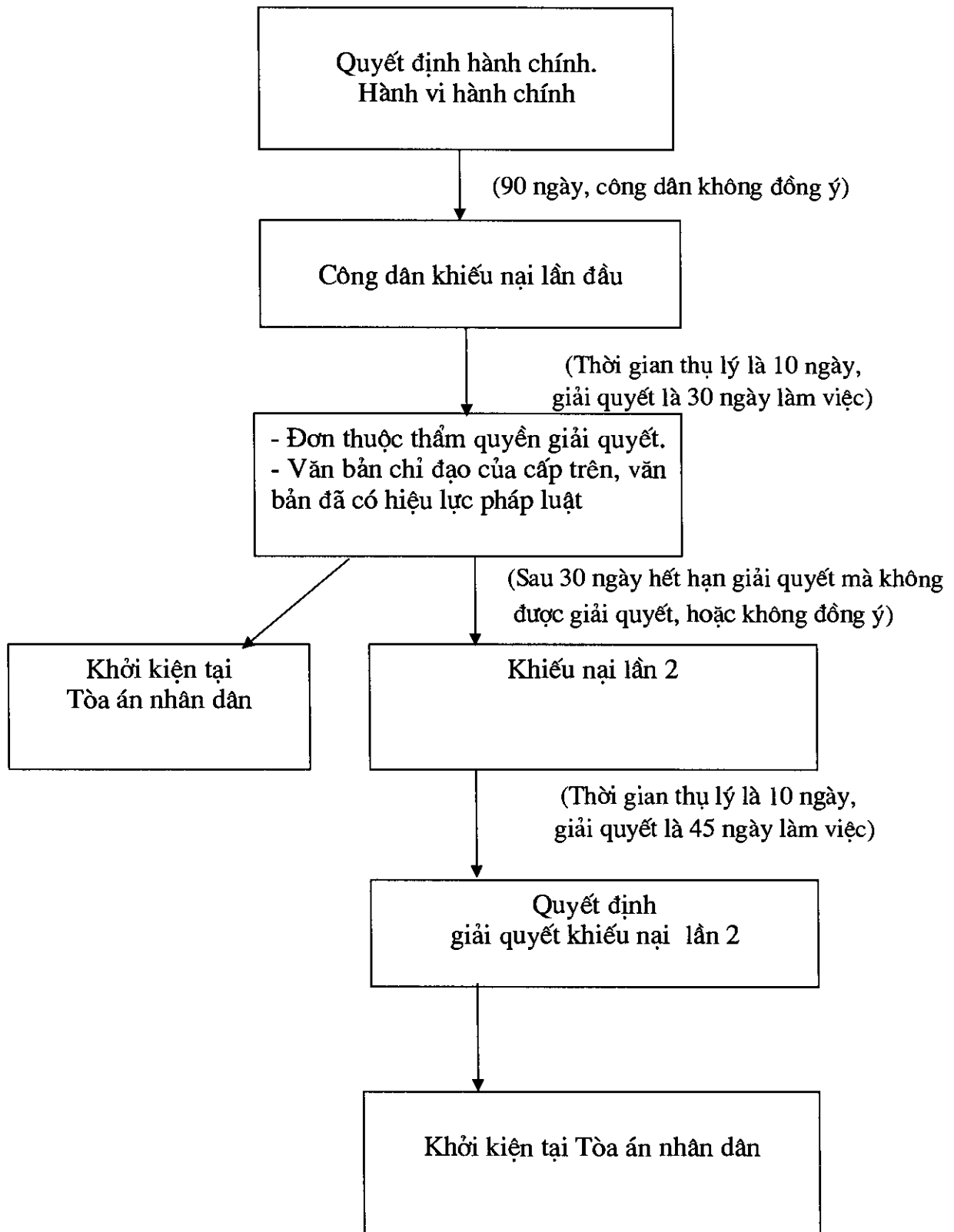
3. Khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết hạn giải quyết theo quy định tại Điều 36 Luật Khiếu nại, tố cáo mà khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định giải quyết khiếu nại lần hai mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức.

Thực hiện theo quy định từ Điều 48 đến Điều 56 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 (đã sửa đổi bổ sung ngày 15/6/2004 và ngày 29/11/2005).

TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI



Chương IV

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỔ CÁO

Điều 12. Thẩm quyền giải quyết tố cáo:

Chủ tịch UBND quận có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND phường; Trưởng (Phó) các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND quận và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

Điều 13. Xử lý đơn tố cáo:

Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND quận: giao Chánh thanh tra quận tham mưu giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Chánh thanh tra quận về giải quyết tố cáo:

1. Chậm nhất sau 10 ngày nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết, ra quyết định thụ lý để giải quyết.

2. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo; Tham mưu Chủ tịch UBND quận kết luận nội dung tố cáo và biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND quận khi được giao.

3. Xem xét, xác minh, tham mưu Chủ tịch UBND quận kết luận nội dung tố cáo đã được UBND phường giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

4. Trong quá trình giải quyết tố cáo, phải thu thập các tài liệu, chứng cứ từ người tố cáo, tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các bằng chứng để chứng minh tính khách quan của nội dung tố cáo. Việc thu thập chứng cứ từ người tố cáo, người bị tố cáo, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung tố cáo và đều phải được lập thành văn bản có xác nhận của người cung cấp tài liệu, chứng cứ và lưu vào hồ sơ giải quyết. Việc giải quyết tố cáo phải được lập thành hồ sơ theo quy định.

Điều 15. Thời hạn giải quyết tố cáo:

Thời hạn giải quyết một vụ tố cáo không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thụ lý; Đối với vụ việc phức tạp, kéo dài không quá 90 ngày làm việc.

Điều 16. Xử lý kết luận sau giải quyết tố cáo:

1. Căn cứ vào kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo, Thủ trưởng cơ quan giải quyết tố cáo tiến hành xử lý, như sau:

1.1. Nếu người bị tố cáo không vi phạm pháp luật, nội dung tố cáo sai sự thật thì phải kết luận rõ ràng, thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo và cơ quan quản lý người tố cáo;

1.2. Đối với người cố tình tố cáo sai sự thật, trong trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết tố cáo phải làm rõ hành vi cố tình tố cáo sai để các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp người bị tố cáo có các hành vi vi phạm pháp luật: Thủ trưởng cơ quan giải quyết tố cáo phải kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý theo phân cấp quản lý cán bộ; Đồng thời áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để quyết định xử lý được chấp hành nghiêm chỉnh.

1.4. Trường hợp người bị tố cáo có dấu hiệu phạm tội thì chuyển hồ sơ tới cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Kết luận giải quyết tố cáo, quyết định xử lý vi phạm phải được gửi cho cơ quan Thanh tra cấp trên trực tiếp, đồng thời thông báo kết quả giải quyết cho người tố cáo biết, trừ những nội dung thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Chương V

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Điều 17. Thủ lý đơn kiến nghị, phản ánh:

Đối với đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận: chậm nhất trong 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Tổ tiếp dân của quận báo cáo lãnh đạo UBND quận chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn giải quyết và có văn bản thông báo cho công dân biết.

Điều 18. Trách nhiệm của các phòng, ban chuyên môn:

1. Giải quyết tranh chấp đất đai

1.1. Hòa giải tranh chấp đất đai ở cơ sở là bắt buộc; Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không tự hòa giải được, UBND phường nơi có đất tranh chấp tổ chức hòa giải. Thời gian hòa giải là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn;

1.2. Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận có trách nhiệm xem xét, tham mưu để UBND quận giải quyết tranh chấp đất đai cụ thể như sau:

Đối với tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau mà các bên tranh chấp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; tham mưu UBND quận ban hành văn bản, hướng dẫn công dân đến Tòa án nhân dân quận để được xem xét giải quyết.

Đối với tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau mà các bên tranh chấp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Tham mưu UBND quận ra quyết định giải quyết trong thời gian 60 ngày làm việc kể từ ngày được giao giải quyết.

2. Việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật được giải quyết như sau:

2.1. Khi có đơn của tổ chức, công dân liên quan đến xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: giao Chánh thanh tra quận xem xét, xác minh, báo cáo kết quả; trong trường hợp kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái với quy định của pháp luật thì kiến nghị UBND quận ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo quy định;

2.2. Trường hợp phòng Tài nguyên và Môi trường quận tự kiểm tra và phát hiện giấy chứng nhận đã cấp là trái pháp luật thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Thanh tra quận để thẩm tra; Nếu qua thẩm tra có kết luận là giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật, kiến nghị UBND quận ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo quy định;

2.3. Trường hợp có văn bản của cơ quan điều tra, kết luận thanh tra là giấy chứng nhận đã cấp trái với quy định của pháp luật, giao Chánh Thanh tra quận xem xét; Nếu kết luận đó là đúng, kiến nghị UBND quận ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo đúng quy định.

3. Giải quyết đơn ở các lĩnh vực khác

3.1. Đơn kiến nghị, phản ánh của tổ chức, công dân thuộc lĩnh vực nào thì phòng, ban chuyên môn ở lĩnh vực đó có trách nhiệm xem xét, tham mưu UBND quận ban hành văn bản giải quyết theo quy định.

Nếu vụ việc đơn giản: Phòng, ban chuyên môn được giao giải quyết có trách nhiệm tham mưu UBND quận ra văn bản trả lời công dân. Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày được giao.

Nếu vụ việc phức tạp: Phòng, ban chuyên môn được giao giải quyết báo cáo kết quả xem xét, xác minh, đồng thời tham mưu UBND quận ra kết luận, quyết định giải quyết. Thời hạn giải quyết từ 45 đến 60 ngày làm việc kể từ ngày được giao.

3.2. Trường hợp đơn có nhiều nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực thuộc các phòng, ban khác nhau thì nội dung liên quan đến chuyên môn của phòng, ban nào sẽ giao phòng, ban đó xem xét, báo cáo kết quả bằng văn bản với UBND quận. Trên cơ sở nội dung cụ thể, UBND quận giao phòng, ban nào trả lời thì phòng, ban đó có trách nhiệm tham mưu để UBND quận ban hành văn bản giải quyết.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Khen thưởng:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Người có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý vi phạm pháp luật khiếu nại, tố cáo:

Thực hiện theo Điều 60,61,62,63,64 Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004 và ngày 29/11/2005.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Đức Bảo